

Biểu mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Nghị định số
31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T		Dự toán năm 2025
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	124.731
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.665
-	Thu NSDP hưởng 100%	205
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.460
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.066
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	123.066
2	Thu bổ sung có mục tiêu	-
III	Thu huy động đóng góp	
IV	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
V	Thu kết dư	
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NSDP	124.731
I	Tổng chi cân đối NSDP	124.731
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	123.808
3	Chi nộp ngân sách cấp trên	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	923
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	

DỰ TOÁN THU NGAN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LINH VỰC NAM 2025
(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	15.426	1.665
I	Thu nội địa	15.426	1.665
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	350	53
	- Thuế giá trị gia tăng	350	53
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế tài nguyên		
	Trong đó: + Thu từ thủy điện		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế tài nguyên		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế tài nguyên		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.267	790
	- Thuế giá trị gia tăng	5.099	765
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	136	20
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	32	5
	- Thuế tài nguyên		
	Trong đó: + Thu từ thủy điện		
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.117	618
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-
7	Lệ phí trước bạ	4.096	205
	Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất		
8	Thu phí, lệ phí	388	
-	Phí và lệ phí trung ương		
-	Phí và lệ phí tỉnh		
-	Phí và lệ phí xã	388	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	150	
12	Thu tiền sử dụng đất	-	-
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-
16	Thu khác ngân sách	1.058	
	Trong đó		
-	Thu khác NSTW		
-	Thu khác ngân sách tỉnh		

S T T -	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	-
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức	-	-
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-
20	Các khoản thu huy động đóng góp	-	-
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
IV	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NSDP	124.731	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	124.731	Đã thực hiện đến 30/6/2025: 74.657 triệu đồng
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi đầu tư cho các dự án		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	123.808	Đã thực hiện đến 30/6/2025: 74.341 triệu đồng
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	100.049	Đã thực hiện đến 30/6/2025: 62.158 triệu đồng
2	Chi khoa học và công nghệ		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
V	Dự phòng ngân sách	923	Đã thực hiện đến 30/6/2025: 316 triệu đồng
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới		
-	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững		
-	Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong)

Đơn vị: Triệu đồng				
STT	Nội dung	Dự toán 2025	Số đã thực hiện đến 30/6	Phân bổ xã mới
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NSDP	124.731	74.657	50.074
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	123.808	74.341	49.467
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	100.049	62.158	37.891
III	Dự phòng ngân sách	923	316	607
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
V	Chi các chương trình mục tiêu			

[illegible]

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nam Dong)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi,			
A	B	0	2,0	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	124.731	99.895	-	341	704	-	-	-	-	-	-	-	-	10.996	-	-
I	Dự toán đã chi đến 30/6 (1)	12.653															
II	Phân bổ cho các đơn vị	111.936	99.895	-	341	704	-	-	-	-	-	-	-	-	10.996	-	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	3.143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.143	-	-
2	Ủy Ban MTTQ	1.959	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.959	-	-
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	4.001	-	-	341	654	-	-	-	-	-	-	-	-	3.006	-	-
4	Phòng Kinh tế	1.139	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.139	-	-
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	918	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	918	-	-
6	Trung tâm hành chính công	831	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	831	-	-
7	Công an xã	50				50,0											
8	Trường MG Nam Dong	4.663,0	4.663,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Trường MN Hoa Sim	3.510,5	3.510,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Trường MN Đăk Drông	4.228,0	4.228,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trường MG Hoa Hướng Dương	5.973,5	5.973,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Trường TH Lê Hồng Phong	11.053,5	11.053,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Trường TH Ngô Quyền	6.795,0	6.795,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Trường TH Lương Thế Vinh	6.981,5	6.981,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Trường TH Trần Quốc Toản	8.075,0	8.075,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Trường TH Tô Hiệu	7.877,0	7.877,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Trường TH Vũ A Đình	7.771,0	7.771,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Trường THCS Ng uyễn Tấn Thành	16.131,0	16.131,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	9.220,0	9.220,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	6.426,0	6.426,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Đã điều chuyển về các trường không thuộc xã Nam Dong mới	1.189,5	1.189,5														
III	Dự phòng ngân sách	142															

(1) Trong đó:
 - Không bao gồm nguồn sự nghiệp giáo dục giao cả năm 99.895trđ